TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27** /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 8 – 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang;

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2024, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Ngọc Tuyết T, sinh ngày: 10/6/1992; căn cước công dân số: 0601xxxxxxx, địa chỉ: 7.04 chung cư L.Đ.C, phường A.P, thành phố T.Đ, thành phố H.C.M.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn B, sinh ngày: 01/5/1992; căn cước công dân số: 0600yyyyyyy, địa chỉ: Tổ dân phố X, phường L.G, tỉnh L.Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Ngọc Tuyết T trình bày:

Bà T là ông Lê Văn B tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, đăng ký và được UBND phường Tân Thiện cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 17/11/2022. Sau khi đăng ký kết hôn, bà T và ông B không sống chung với nhau, bà T vẫn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông B sống với cha, mẹ tại phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Sau đó, bà T phát hiện ông B không tự nguyện kết hôn với bà T mà có mục đích muốn có được tài sản từ bà T và gia đình bà T nên cả hai phát sinh mâu thuẫn, do vậy bà T và ông B đã không tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông B thực hiện thủ tục ly hôn nhưng ông B không phối hợp. Do vậy, giữa bà T và ông B không tồn tại quan hệ hôn nhân trên thực tế, không phát sinh đời sống chung, từ sau khi đăng ký kết hôn cho đến nay, bà T và ông B không tồn tại quan hệ vợ, chồng. Do vậy, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn B, bà T và ông B không có con chung, bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Về nơi cư trú của ông B, trong quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn thì ông B đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Đối với địa chỉ số 34/1A, Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mà Công an phường Tân Thiện xác định là nơi cư trú hiện tại của ông B thì bà T không biết, bà T cũng chưa bao giờ nghe nói về nơi cư trú này của ông B. Bà T khẳng định ngoài địa chỉ tại khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, bà T không biết địa chỉ nào khác là nơi cư trú của ông B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tống đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của bà T và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đủ điều kiện để giải quyết ly hôn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Ngọc Tuyết T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn B, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Văn B có nơi cư trú tại khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (nay là phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng) nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thị xã La Gi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bà Võ Ngọc Tuyết T và ông Lê Văn B, trong đó bà T đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[3] Bà T trình bày giữa bà T và ông B không tồn tại quan hệ hôn nhân trên thực tế, không phát sinh đời sống chung, từ sau khi đăng ký kết hôn cho đến nay, bà T và ông B không tồn tại quan hệ vợ, chồng. Tại biên bản xác minh lập ngày 21/5/2025 thể hiện, bà T và ông B có đăng ký kết hôn nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*"; Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Ông Lê Văn B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến, tài liệu,

chứng cứ kèm theo (nếu có), không tham gia phiên họp, phiên tòa là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tố tụng của mình.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho* ***hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được***"; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định: "*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây:* ***Không có tình nghĩa vợ chồng****, ví dụ:* ***vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân****, bỏ mặc vợ hoặc chồng"*. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của bà T và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ điều kiện để cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

[5] Bà Võ Ngọc Tuyết T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 19, Điều 21, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc Tuyết T: Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc Tuyết T ly hôn với ông Lê Văn B.

2. Bà Võ Ngọc Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Lâm Đồng) theo Biên lai thu số 0011862, ngày 15/10/2024.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV15 – Lâm Đồng;
- UBND đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ/
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Phú